

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171 /2019/HS-ST
Ngày 11/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng T.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn A

Ông Nguyễn Đăng Th

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị C - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tá T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 168/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Dương Đức C1, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Thôn M.T, xã C.L, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn Th sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị P sinh năm 1966; Có vợ là Nguyễn Thị Mai T2, sinh năm 1994 và có 03 con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018;

Tiền án: Tại Bản án số 49/2016/HSST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện K.C, tỉnh H.Y xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 24/8/2017, C1 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 164/2011/HSST ngày 28/10/2011 của Tòa án nhân

dân huyện G.L, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 05/7/2013, C1 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương và đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Tại Bản án số 58/2019/HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án đã có hiệu lực P luật.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Anh P, sinh năm 1996; Nơi đăng ký HKTT: Thôn M.T, xã C.L, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Đức H sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1976; Có vợ là Hồ Thị Khánh L, sinh năm 1996 và có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 58/2019/HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn M.X, xã V.M, huyện Y.P, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn N.L, xã P.K, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

3. Chị Thạch Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố N.G, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/8/2018 đến ngày 14/11/2018, tại địa bàn thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Dương Đức C1 và Dương Anh P đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream sơn màu nâu,

BKS 99D1-156.44 của anh Nguyễn Văn S; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 99H4-8802 của chị Nguyễn Thị V và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, BKS 99K1-051.14 của chị Thạch Thị L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T.S đã trưng cầu định giá và tại bản Kết luận định giá số 14 ngày 13/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T.S đã kết luận: “Chiếc xe Honda Dream sơn màu nâu đã qua sử dụng có giá trị là 20.000.000 đồng”.

Tại bản Kết luận định giá số 69 ngày 17/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T.S đã kết luận: “Chiếc xe Honda Wave sơn màu xanh đã qua sử dụng có giá trị là 6.100.000 đồng”.

Tại bản Kết luận định giá số 70 ngày 17/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T.S đã kết luận: “Chiếc xe Honda WaveS sơn màu đen bạc đã qua sử dụng có giá trị là 8.200.000 đồng”.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 148/CT-VKS ngày 24/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã T.S để xét xử các bị cáo Dương Đức C1 và Dương Anh P về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo C1 khai nhận: Do lười lao động, không có tiền chi tiêu nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Hai bị cáo đã thực hiện 03 vụ trộm cắp xe máy tại địa bàn thị xã T.S, cụ thể:

Chiều tối ngày 23/8/2019 C1 và P đã lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream sơn màu nâu, BKS 99D1-156.44 của anh Nguyễn Văn S trị giá 20.000.000 đồng, sau đó dùng xe này đi trộm cắp ở T.D và bị Công an bắt giữ. Chiếc xe này đã được thu hồi;

Một ngày tháng 10 năm 2018 C1 và P đã lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 99H4-8802 của chị Nguyễn Thị V trị giá 6.100.000 đồng. Cả hai đã bán chiếc xe này cho một thanh niên không quen biết tên là T2 ở C.L, Đ.A, Hà Nội được 1.700.000 đồng, C1 chia cho P 500.000 đồng. Chiếc xe không thu hồi được.

Ngày 14/11/2018, C1 và P đã lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, BKS 99K1-051.14 của chị Thạch Thị L trị giá 8.200.000 đồng. Cả hai đã bán chiếc xe này cho một thanh niên không quen biết tên là T2 ở C.L, Đ.A, Hà Nội

được 2.000.000 đồng, C1 chia cho P 1.000.000 đồng. Chiếc xe không thu hồi được.

Bị cáo P thừa nhận những lời khai tại phiên tòa hôm nay của C1 là đúng, bị cáo thấy hành vi trộm cắp cùng C1 là sai.

Bị hại là anh Nguyễn Văn S đã nhận được lại chiếc xe bị mất. Anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự và đề nghị xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị V xác nhận chị có bị mất xe nay chưa thu hồi được nên yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường cho chị trị giá chiếc xe theo kết luận định giá là 6.100.000 đồng.

Chị Thạch Thị L yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường cho chị trị giá chiếc xe theo kết luận định giá là 8.200.000 đồng.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Đức C1, Dương Anh P phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 56 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Dương Đức C1 từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tổng hợp với hình phạt 48 tháng tù của Bản án số 58/2019//HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 72 đến 78 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 56 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Dương Anh P từ 20 đến 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù của Bản án số 58/2019//HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 56 đến 62 tháng tù.

Buộc các bị cáo C1 và P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị V 6.100.000 đồng; bồi thường cho chị L 8.200.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng

hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 29T4-9887.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/8/2018 đến ngày 14/11/2018, tại địa bàn thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Dương Đức C1 và Dương Anh P đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream sơn màu nâu, BKS 99D1-156.44 của anh Nguyễn Văn S trị giá 20.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 99H4-8802 của chị Nguyễn Thị V trị giá 6.100.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, BKS 99K1-051.14 của chị Thạch Thị L trị giá 8.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 34.300.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Dương Đức C1 và Dương Anh P phạm tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã truy tố.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nên cần phải xử lý nghiêm các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo C1 đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Cả hai bị cáo đã 3 lần thực hiện hành vi trộm cắp nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nhưng cần xem xét cho hai bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hai bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, tại cơ quan điều tra hai bị cáo đã tự khai nhận những hành vi trộm cắp tại địa bàn thị xã T.S nên cả hai

bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp các bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

Hai bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh xử tại Bản án số 58/2019//HSST ngày 21/5/2019. Bản án đã có hiệu lực pháp luật và các bị cáo đang chấp hành bản án này nên cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh S đã nhận được tài sản bị mất và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Do xe máy của chị V, chị L không thu hồi được nên buộc các bị cáo C1 và P có trách nhiệm bồi thường cho chị V 6.100.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị V số tiền 3.050.000 đồng; bồi thường cho chị L 8.200.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị L 4.100.000 đồng.

Về vật chứng: 01 BKS 29T4-9887 không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 (Điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo C1); Điều 47; Điều 48; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 136; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Dương Đức C1 và Dương Anh P phạm tội “trộm cắp tài sản”

1. Xử phạt bị cáo Dương Đức C1 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Tổng hợp với hình phạt 48 tháng tù của Bản án số 58/2019//HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 78 tháng tù.

2. Xử phạt bị cáo Dương Anh P 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù của Bản án số 58/2019//HSST ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.D, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 60 tháng tù.

Tạm giam các bị cáo C1 và P mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo C1 và P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị V 6.100.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị V số tiền 3.050.000 đồng. Bồi thường cho chị Thạch Thị L 8.200.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị L 4.100.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 29T4-9887.

5. Về án phí: Bị cáo C1, P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 357.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ .

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã T.S;
- Công an thị xã T.S;
- Chi cục THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng T

